TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến.
Ông Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐ-ST ngày 08/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giáp Thị T, sinh ngày 20/4/1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Xuân B, sinh ngày 27/07/1988 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh B tại Việt Nam: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Giáp Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Hoàng Xuân B được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2011 tại Ủy ban nhân

dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi anh, chị đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh B làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 6/2019 vợ chồng bàn bạc cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại Singapore. Tuy nhiên, sau khi sang Singapore lao động vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 10 năm 2019 đến nay chị và anh B không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị về nước sinh sống và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Xuân B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 19/10/2011. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Xuân B là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 02/8/2022 và 12/8/2022, ông Hoàng Xuân P là bố đẻ anh Hoàng Xuân B cung cấp: anh B hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Singapore. anh B, chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L. Sau khi kết hôn, chị T về nhà ông làm dâu ngay và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Sau một thời gian chung sống anh B, chị T cùng đi lao động tại Singapore. Sau khi anh B đi lao động một thời gian thì chị T nói vợ chồng có mâu thuẫn. Mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết. Ông có khuyên bảo nhưng anh, chị không thống nhất được với nhau. anh B, chị T có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 19/10/2011. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị T. Về tài sản chung, công nợ của anh, chị ông không biết. Anh B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh B không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh B tại Singapore.

Cháu Hoàng A có đơn trình bày: Cháu hiện đang ở cùng mẹ cháu, cháu được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, vì vậy nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị Giáp Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Xuân B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Giáp Thị T; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Hoàng Xuân B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã

tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh B không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh B. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh B là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị T.

Xử cho chị Giáp Thị T được ly hôn anh Hoàng Xuân B.

Về con chung: Do anh B hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 19/10/2011 chị Giáp Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ: Do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Giáp Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Giáp Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Xuân B và yêu giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Theo Công văn trả lời số 15225/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/7/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh B xuất cảnh gần đây nhất là ngày 26/6/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, anh B được xác định là đang ở nước ngoài. anh B, chị T đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Căn cứ lời khai của chị T và ông Hoàng Xuân P là bố anh B. Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh B ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung". Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt đương sự: Chị Giáp Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Giáp Thị T.

Đối với bị đơn anh Hoàng Xuân B vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh B là ông Hoàng Xuân P để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị ông Hoàng Xuân P thông báo cho anh B biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Giáp Thị T và anh Hoàng Xuân B. Ông Hoàng Xuân P cho biết anh B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh B không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh B tại Singapore. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị T và anh Hoàng Xuân B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Xuân B.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Giáp Thị T với anh Hoàng Xuân B. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận tại gia đình nhà chồng. Tháng 6/2019 anh, chị cùng đi xuất khẩu lao động tại Singapore. Nhưng sau khi sang Singapore một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 10/2019 đến nay do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn. Ngoài gia theo cung cấp của gia đình bố mẹ anh B cũng xác định anh B, chị T có mâu thuẫn được gia đình khuyên bảo nhưng không được. Do đó, xác định vợ chồng chị T, anh B không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh B được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: chị T và anh B có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 19/10/2011. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con chung. Không yêu cầu anh Tuệ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh B đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. anh B từ khi đi nước ngoài thì cháu Hoàng A vẫn do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường

về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Ngoài ra, cháu Hoàng A trên 07 tuổi trình bầy có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T đối với yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 19/10/2011 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung. Sau khi ly hôn anh Hoàng Xuân B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Hoàng Xuân B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Giáp Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Giáp Thị T được ly hôn anh Hoàng Xuân B.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu cháu Hoàng A, sinh ngày 19/10/2011 cho chị Giáp Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Xuân B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Xuân B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000511 ngày 07/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Giáp Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Giáp Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Xuân B hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền